

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN HÌNH CÁP HẢI DƯƠNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016

đến ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800285788, đăng ký thay đổi lần thứ hai, ngày 01 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 75 Phạm Hồng Thái - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2016)
Ông Vũ Duy Hân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2016)
Ông Vũ Quang Vinh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Điền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2016)
Ông Nguyễn Trọng Đích	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2016)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Minh	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 05 năm 2016)
Ông Vũ Duy Hân	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2016)
Ông Vũ Quang Vinh	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2016)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Tuyết	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Ngô Quang Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

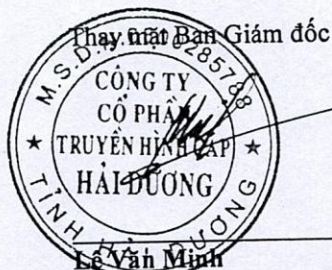
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Giám đốc

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2017

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018

Số chứng thực: 9972 Quyển số: SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ**



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017



Đình Văn Giao

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3286-2015-002-1



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN SAO

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/06/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.944.786.581	10.164.961.348
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.572.690.312 ✓	5.950.382.320
111	1. Tiền		3.572.690.312	5.950.382.320
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		105.680.560 ✓	1.087.048.892
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	30.617.724	104.216.500
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	75.062.836	982.832.392
140	III. Hàng tồn kho	6	2.108.706.852 ✓	3.074.442.916
141	1. Hàng tồn kho		2.108.706.852	3.074.442.916
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		157.708.857 ✓	53.087.220
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	157.708.857	53.087.220
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.541.768.143	27.626.589.662
220	I. Tài sản cố định		19.216.449.416 ✓	23.265.765.200
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	19.216.449.416	23.265.765.200
222	- Nguyên giá		53.874.347.567	52.622.648.014
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.657.898.151)	(29.356.882.814)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	4.263.376
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	4.263.376
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.325.318.727	4.356.561.086
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	4.325.318.727	4.356.561.086
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>29.486.554.724</u>	<u>37.791.551.010</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

BẢN SAO

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/06/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.622.877.146	23.661.551.010
310	I. Nợ ngắn hạn		7.890.435.524	16.929.109.388
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	2.043.413.434	367.035.135
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	101.202.000	1.248.484
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	267.371.484	602.968.486
314	4. Phải trả người lao động		1.453.171.641	1.145.003.470
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	111.779.282	3.306.185.040
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	2.626.250.319	5.472.884.918
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.081.226.436	5.967.298.728
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	50.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		206.020.928	16.485.127
330	II. Nợ dài hạn		6.732.441.622	6.732.441.622
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	6.732.441.622	6.732.441.622
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.863.677.578	14.130.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	14.863.677.578	14.130.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		14.130.000.000	14.130.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		14.130.000.000	14.130.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		733.677.578	-
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	(436.808.844)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		733.677.578	436.808.844
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		29.486.554.724	37.791.551.010

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018 14

Số chứng thực: 9972 Quyền số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ



Vũ Thị Phương Thúy
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Lê Văn Minh
Giám đốc
Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016

BẢN SAO

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	23.341.944.687	15.838.448.070
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.341.944.687	15.838.448.070
11	3. Giá vốn hàng bán	17	18.424.537.411	12.676.098.478
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.917.407.276	3.162.349.592
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	18	15.393.574	3.048.519
22	6. Chi phí tài chính		395.138	73.122.163
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		395.138	73.122.163
25	7. Chi phí bán hàng	19	1.426.401.266	1.114.927.757
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.587.907.849	1.358.507.893
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		918.096.597	618.840.298
31	10. Thu nhập khác		92	-
32	11. Chi phí khác		799.773	72.668.784
40	12. Lợi nhuận khác		(799.681)	(72.668.784)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		917.296.916	546.171.514
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	183.619.338	109.362.670
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		733.677.578	436.808.844
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	519,00	-

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018

Số chứng thực: 9972 Quyển số: 03 SCT/BS




PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠ

Vũ Thị Phương Thúy
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Lê Văn Minh
Giám đốc
Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

BẢN SAO

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/06/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2016	đến 31/05/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		917.296.916	546.171.514
	2. Điều chỉnh cho các khoản		5.286.016.901	3.494.721.670
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		5.301.015.337	3.424.648.026
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.393.574)	(3.048.519)
06	- Chi phí lãi vay		395.138	73.122.163
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.203.313.817	4.040.893.184
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		144.404.012	(955.403.947)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		965.736.064	(615.456.465)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.172.194.882)	12.970.226.087
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(73.379.278)	(3.794.422.413)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(395.138)	(77.957.623)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(120.000.000)	(210.384.226)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			143.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(43.134.000)	(1.494.580.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.095.649.405)	10.005.914.597
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.247.436.177)	(1.540.760.872)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.393.574	3.048.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.232.042.603)	(1.537.712.353)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	3.507.299.786
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(50.000.000)	(7.162.961.248)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(50.000.000)	(3.655.661.462)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.377.692.008)	4.812.540.782
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.950.382.320	1.137.841.538
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3.572.690.312	5.950.382.320

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018

Số chứng thực: 9972 Quyền số: 85788

Vũ Thị Phương Thúy
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Lê Văn Minh
Giám đốc

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2017



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương được chuyển đổi từ Trung tâm Truyền thanh Truyền hình Cáp Hải Dương theo Quyết định số 1159/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hải Dương ngày 30 tháng 03 năm 2009.

Năm 2002 Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam tham gia góp vốn tại Ban Quản lý dự án Truyền hình Cáp Hải Dương (đã bàn giao dự án cho Trung tâm Truyền thanh Truyền hình Cáp Hải Dương nay là Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương).

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 07/04/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Công ty cổ phần số 0800285788 ngày 01 tháng 06 năm 2016 với số vốn điều lệ là 14.130.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Số 75 Phạm Hồng Thái - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ truyền hình cáp, truyền thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo;
- Mua bán, trao đổi bản quyền các chương trình truyền hình trong và ngoài nước;
- Thiết kế, thi công các mạng truyền hình cáp, truyền thông và công nghệ thông tin;
- Mua bán, sản xuất, sửa chữa thiết bị truyền hình cáp, truyền thông, công nghệ thông tin và thiết bị điện tử;
- Phát sóng các chương trình truyền hình trên hệ thống truyền hình cáp phục vụ nhu cầu thông tin, giải trí của nhân dân;
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng truyền hình cáp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm

2.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán để sử dụng dịch vụ thuê bao truyền hình Cáp, dịch vụ quảng cáo...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của đơn vị được phân phối theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hải Dương.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các Doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/06/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.259.340.190	968.610.619
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.313.350.122	4.981.771.701
	3.572.690.312	5.950.382.320

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/06/2016
	VND	VND
- Đài phát thanh - truyền hình Đồng Nai	-	33.000.000
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	-	54.346.500
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	3.572.000	1.170.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ CTECH CTI Hải Dương	7.204.000	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Việt Nam	9.600.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.241.724	15.700.000
	30.617.724	104.216.500

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/06/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	226.726.753	-
Phải thu khác	75.062.836	-	756.105.639	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt</i>	-	-	750.612.320	-
- <i>Thuế TNCN của người lao động</i>	15.632.506	-	5.493.319	-
- <i>Các khoản bảo hiểm phải thu của người lao động</i>	35.389.475	-	-	-
- <i>Các khoản phải thu khác</i>	24.040.855	-	-	-
	75.062.836	-	982.832.392	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/06/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.558.761.192	-	2.424.693.105	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	33.050.000	-
Hàng hoá	549.945.660	-	616.699.811	-
	2.108.706.852	-	3.074.442.916	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/06/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí in phôi phiếu thu, in phôi hóa đơn	32.475.524	30.687.220
- Chi phí thuê địa điểm giao dịch	125.233.333	22.400.000
	157.708.857	53.087.220
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê địa điểm giao dịch	193.000.000	368.216.668
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.024.608.502	636.207.546
- Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	3.107.710.225	3.352.136.872
	4.325.318.727	4.356.561.086

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND - "Về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa" ngày 22 tháng 10 năm 2015 và phân bổ trong thời gian 8 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	330.957.547	51.912.611.740	379.078.727	52.622.648.014
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.251.699.553	-	1.251.699.553
Số dư cuối năm	330.957.547	53.164.311.293	379.078.727	53.874.347.567
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	61.166.662	29.055.528.969	240.187.183	29.356.882.814
- Khấu hao trong kỳ	22.444.632	5.247.208.098	31.362.607	5.301.015.337
Số dư cuối năm	83.611.294	34.302.737.067	271.549.790	34.657.898.151
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	269.790.885	22.857.082.771	138.891.544	23.265.765.200
Tại ngày cuối năm	247.346.253	18.861.574.226	107.528.937	19.216.449.416

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2016		01/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Viễn thông Hải Dương - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	279.723.543	279.723.543	-	-
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam	1.763.689.891	1.763.689.891	358.455.135	358.455.135
Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	8.580.000	8.580.000
	2.043.413.434	2.043.413.434	367.035.135	367.035.135

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	596.272.449	687.088.228	1.101.937.074	-	181.423.603
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.696.037	183.619.338	120.000.000	-	70.315.375
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	31.360.707	15.728.201	-	15.632.506
	-	602.968.486	902.068.273	1.237.665.275	-	267.371.484

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/06/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước khác	101.202.000	1.248.484
	101.202.000	1.248.484

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/06/2016
	VND	VND
- Phí bản quyền	-	2.380.443.309
- Chi phí thuê cột điện	1.915.909	455.517.562
- Chi phí thuê đường truyền cáp quang	-	204.949.673
- Chi phí phải trả khác	109.863.373	265.274.496
	111.779.282	3.306.185.040

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/06/2016
	VND	VND
Doanh thu nhận trước của dịch vụ thuê bao Truyền hình Cáp	2.626.250.319	5.472.884.918
	2.626.250.319	5.472.884.918

14. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/06/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	20.118.240
Bảo hiểm xã hội	85.792.710	133.363.850
Bảo hiểm y tế	14.848.739	14.946.030
Bảo hiểm thất nghiệp	6.599.439	6.642.680
Phải trả về cổ phần hóa	-	5.607.955.715
Các khoản phải trả, phải nộp khác	973.985.548	184.272.213
- Lợi nhuận cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh	913.658.435	46.677.750
- Phải trả, phải nộp khác	60.327.113	137.594.463
	1.081.226.436	5.967.298.728
b) Dài hạn		
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	6.732.441.622	6.732.441.622
	6.732.441.622	6.732.441.622

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư tại 01/01/2016

Lãi trong kỳ trước

Tăng do kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Xử lý cổ phần hóa theo hướng dẫn tại Thông tư 106/2008/TT-BTC
ngày 17/11/2008

Số dư tại 31/05/2016

Số dư tại 01/06/2016

Lãi trong kỳ

Số dư tại 31/12/2016

Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND
4.500.000.000	-	3.843.898.600	1.499.805.962	9.843.704.562
-	-	-	436.808.844	436.808.844
-	5.784.010.102	-	-	5.784.010.102
9.630.000.000	(5.784.010.102)	(3.843.898.600)	(1.936.614.806)	(1.934.523.508)
<u>14.130.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.130.000.000</u>
14.130.000.000	-	-	-	14.130.000.000
-	-	-	733.677.578	733.677.578
<u>14.130.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>733.677.578</u>	<u>14.863.677.578</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/06/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	6.923.700.000	49,00%	6.923.700.000	49,00%
Nguyễn Trọng Đích	2.240.540.000	15,86%	2.240.540.000	15,86%
Các cổ đông khác	4.965.760.000	35,14%	4.965.760.000	35,14%
Cộng	14.130.000.000	100%	14.130.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.130.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	14.130.000.000
- Vốn góp cuối năm	14.130.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/06/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.413.000	1.413.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.413.000	1.413.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.413.000	1.413.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.413.000	1.413.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.413.000	1.413.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016 VND
Doanh thu bán hàng	1.964.770.952	1.586.238.563
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.377.173.735	14.252.209.507
	23.341.944.687	15.838.448.070

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.245.229.747	1.000.398.539
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.179.307.664	11.675.699.939
	18.424.537.411	12.676.098.478

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.393.574	3.048.519
	15.393.574	3.048.519

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	880.172.576	740.676.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	525.028.690	374.251.486
Chi phí khác bằng tiền	21.200.000	-
	1.426.401.266	1.114.927.757

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.077.365	30.012.638
Chi phí nhân công	1.658.338.968	1.041.314.600
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	38.667.183	9.978.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.644.398	13.789.900
Thuế, phí và lệ phí	-	11.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.825.009	136.380.749
Chi phí khác bằng tiền	238.354.926	115.531.821
	2.587.907.849	1.358.507.893

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	917.296.916	546.171.514
Các khoản điều chỉnh tăng	799.773	641.838
- Các khoản tiền phạt	799.773	641.838
Thu nhập chịu thuế TNDN	918.096.689	546.813.352
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	183.619.338	109.362.670
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	6.696.037	107.717.593
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(120.000.000)	(210.384.226)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	70.315.375	6.696.037

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	733.677.578
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	733.677.578
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.413.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	519

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	834.001.988	688.744.373
Chi phí nhân công	6.317.607.951	4.318.285.532
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	170.381.857	77.255.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.301.015.337	3.413.404.316
Thuế, phí và lệ phí	-	11.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.910.502.029	4.822.853.249
Chi phí khác bằng tiền	660.107.617	618.910.209
	21.193.616.779	13.950.953.076

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

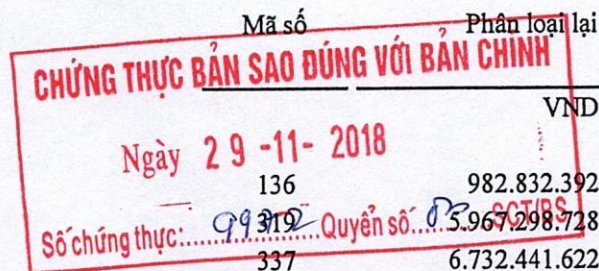
	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/05/2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	627.088.762	470.839.087

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/05/2016 của Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên báo cáo này đã được phân loại lại cho phù hợp để có thể so sánh với số liệu kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo từ 01/01/2016 - 31/05/2016
		VND	VND
Bảng Cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn khác	136	982.832.392	980.741.093
- Phải trả ngắn hạn khác	337	5.967.298.728	4.030.683.922
- Phải trả dài hạn khác	411	6.732.441.622	-
- Vốn góp của chủ sở hữu	416	14.130.000.000	8.476.158.921
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	418	-	8.540.292.802
- Quỹ đầu tư phát triển	421	-	3.843.898.600
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	1.936.614.806



[Signature]



Vũ Thị Phương Thúy
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Lê Văn Minh
Giám đốc

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2017



[Signature]
PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ

